

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2016

Số: 736/MB - TCKT
V/v: CBTT Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm
2016 (đã kiểm toán)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PMB
3. Địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 04.35378256 Fax: 04.35378255
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trần Nguyễn - Phó Giám đốc
6. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo Tài chính 06 tháng đầu năm 2016 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc được lập ngày 08/08/2016 (đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán).

7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pmb.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận; *th*

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

Đính kèm:

BCTC 06 tháng đầu năm 2016

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC UOQBTT**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phạm Trần Nguyễn



**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ
HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23

2500
G TY
M HỮU
TT
NAM
TP.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch	
Ông Trần Quốc Toàn	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 05/4/2016)
Ông Nguyễn Văn Quyền	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 07/6/2016)
Bà Hoàng Thị Thu Hằng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Ủy viên	
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 05/4/2016)
Ông Đoàn Quốc Thịnh	Ủy viên	(Bỏ nhiệm ngày 07/6/2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Luận	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



thw

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2016

Số: 173 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 08 tháng 8 năm 2016, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 08 tháng 8 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		198.240.593.652	166.797.315.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	130.377.348.773	103.536.737.376
1. Tiền	111		26.629.848.773	16.036.737.376
2. Các khoản tương đương tiền	112		103.747.500.000	87.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.064.759.680	11.322.662.648
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.585.701.680	2.200.343.752
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	20.132.758.000	8.907.788.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		346.300.000	214.530.896
III. Hàng tồn kho	140	8	33.542.093.006	51.471.278.753
1. Hàng tồn kho	141		33.542.093.006	51.471.281.753
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(3.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		256.392.193	466.636.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		256.392.193	326.644.281
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	139.992.330
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.507.574.350	25.985.979.033
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68.374.000	112.374.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		68.374.000	112.374.000
II. Tài sản cố định	220		18.867.503.291	20.188.340.323
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	18.867.503.291	20.188.340.323
- Nguyên giá	222		34.571.219.556	34.571.219.556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.703.716.265)	(14.382.879.233)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		48.670.000	48.670.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.670.000)	(48.670.000)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.571.697.059	5.685.264.710
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	3.571.697.059	3.827.273.828
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	1.857.990.882
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		220.748.168.002	192.783.294.421

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

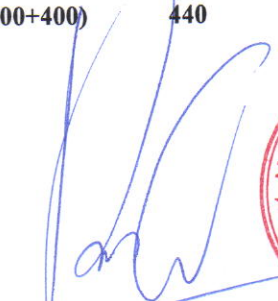
MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		69.597.505.242	34.698.017.487
I. Nợ ngắn hạn	310		69.597.505.242	34.698.017.487
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	22.174.388.416	9.153.572.788
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	22.990.218.266	9.655.681.822
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.528.472.926	2.949.685.412
4. Phải trả người lao động	314		461.966.893	322.893.541
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	5.975.324.196	2.855.568.049
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	10.747.889.290	6.861.447.285
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.719.245.255	2.899.168.590
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151.150.662.760	158.085.276.934
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	151.150.662.760	158.085.276.934
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.999.025.750	8.999.025.750
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.151.637.010	29.086.251.184
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.302.238.846	7.683.691.273
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.849.398.164	21.402.559.911
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		220.748.168.002	192.783.294.421


Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu


Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN


(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016	Từ ngày 01/01/2015
			đến ngày 30/6/2016	đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	776.552.535.817	828.675.261.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.026.229.872	11.130.287.461
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	18	763.526.305.945	817.544.973.541
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	19	715.142.406.225	775.113.170.715
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		48.383.899.720	42.431.802.826
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.323.402.674	1.009.359.389
7. Chi phí bán hàng	25	21	21.600.866.819	12.331.075.264
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	8.058.109.139	7.795.550.516
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(25+26))	30		20.048.326.436	23.314.536.435
10. Thu nhập khác	31		51.596.109	6.040.000
11. Lợi nhuận khác (40=31)	40		51.596.109	6.040.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.099.922.545	23.320.576.435
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.180.783.958	2.697.003.951
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		1.857.990.882	2.435.694.264
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16.061.147.705	18.187.878.220
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.071	1.284



Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu


Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc



Ngày 08 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.099.922.545	23.320.576.435
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.320.837.032	1.316.950.541
Các khoản dự phòng	03	(3.000)	107.553.000
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.323.402.674)	(1.012.659.389)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	20.097.353.903	23.732.420.587
(Tăng) các khoản phải thu	09	(22.142.635.598)	(3.882.043.381)
Giảm hàng tồn kho	10	17.929.188.747	13.451.025.216
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	29.595.661.643	1.703.774.281
Giảm chi phải trả trước	12	325.828.857	668.123.391
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.581.109.511)	(5.045.229.483)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.286.700.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.805.685.214)	(1.750.226.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.705.302.827	28.877.843.989
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.049.868.000)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	3.300.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.537.933.570	992.371.375
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.537.933.570	(54.196.625)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.402.625.000)	(10.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(17.402.625.000)	(10.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	26.840.611.397	18.023.647.364
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	103.536.737.376	87.464.657.705
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	130.377.348.773	105.488.305.069

Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu

Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (“Công ty”), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 58 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016.



th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN MỚI VỀ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, bản quyền trang web được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

112
CÔNG
NHIỆM
LỢI
T M
9A -

th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê văn phòng trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

00 - C
TY
HỮU HẠN
TTE
IAM
CP. HA

Thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	122.145.000	114.278.379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	26.507.703.773	15.922.458.997
Các khoản tương đương tiền (*)	103.747.500.000	87.500.000.000
	<u>130.377.348.773</u>	<u>103.536.737.376</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng đến dưới 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,5% đến 5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	5.844.000.000	8.963.669
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.100.057.666	1.573.973.164
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	2.240.485.368	-
Các khách hàng khác	1.401.158.646	617.406.919
	<u>13.585.701.680</u>	<u>2.200.343.752</u>
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>4.129.337.631</u>	<u>2.180.472.076</u>



th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	19.979.892.800	8.907.788.000
Các nhà cung cấp khác	152.865.200	-
	<u>20.132.758.000</u>	<u>8.907.788.000</u>
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>19.979.892.800</u>	<u>8.907.788.000</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2016</u>		<u>31/12/2015</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	7.407.925.000	-
Công cụ, dụng cụ	42.934.373	-	160.721.268	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.252.146	-	19.285.121	-
Hàng hoá	33.461.906.487	-	43.883.350.364	(3.000)
Cộng	<u>33.542.093.006</u>	<u>-</u>	<u>51.471.281.753</u>	<u>(3.000)</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2016	28.077.312.198	128.128.000	3.970.743.617	1.851.742.541	543.293.200	34.571.219.556
Tại ngày 30/6/2016	28.077.312.198	128.128.000	3.970.743.617	1.851.742.541	543.293.200	34.571.219.556
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2016	10.297.138.779	-	2.313.475.893	1.602.206.348	170.058.213	14.382.879.233
Trích khấu hao trong kỳ	982.389.667	15.928.482	215.066.065	39.912.272	67.540.546	1.320.837.032
Tại ngày 30/6/2016	11.279.528.446	15.928.482	2.528.541.958	1.642.118.620	237.598.759	15.703.716.265
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2016	16.797.783.752	112.199.518	1.442.201.659	209.623.921	305.694.441	18.867.503.291
Tại ngày 31/12/2015	17.780.173.419	128.128.000	1.657.267.724	249.536.193	373.234.987	20.188.340.323

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 3.097.081.022 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 2.116.354.578 đồng).

Handwritten signature

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	1.974.073.800	2.961.110.700
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.597.623.259	866.163.128
	<u>3.571.697.059</u>	<u>3.827.273.828</u>

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	19.180.688.629	19.180.688.629	6.661.253.861	6.661.253.861
Các nhà cung cấp khác	2.993.699.787	2.993.699.787	2.492.318.927	2.492.318.927
	<u>22.174.388.416</u>	<u>22.174.388.416</u>	<u>9.153.572.788</u>	<u>9.153.572.788</u>
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>19.888.945.366</u>		<u>7.283.858.969</u>	

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Mỹ	3.841.515.000	3.186.100.001
Công ty TNHH Toàn Xuân	2.835.711.250	2.250.000
Công ty TNHH Ánh Dương	2.831.224.700	7.216.700
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	1.260.613.000	2.063.088.000
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quy	44.726.500	2.607.488.000
Các khách hàng khác	12.176.427.816	1.789.539.121
	<u>22.990.218.266</u>	<u>9.655.681.822</u>
Người mua là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	<u>7.781.656.228</u>	<u>1.389.410.723</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Phải nộp	Phát sinh trong kỳ		Phải nộp 30/6/2016
	01/01/2016	Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán	-	56.106.267	-	56.106.267
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.803.734.412	2.180.783.958	3.581.109.511	1.403.408.859
Thuế thu nhập cá nhân	145.951.000	848.618.983	925.612.183	68.957.800
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>2.949.685.412</u>	<u>3.088.509.208</u>	<u>4.509.721.694</u>	<u>1.528.472.926</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	5.733.019.592	2.760.662.108
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	162.239.604	-
Chi phí phải trả khác	80.065.000	94.905.941
	<u>5.975.324.196</u>	<u>2.855.568.049</u>

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.448.159.569	5.589.845.049
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.286.700.000	-
Kinh phí công đoàn	52.154.377	36.244.360
Phải trả ngắn hạn khác	960.875.344	1.235.357.876
	<u>10.747.889.290</u>	<u>6.861.447.285</u>

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2015	120.000.000.000	8.999.025.750	18.483.691.273	147.482.717.023
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	18.187.878.220	18.187.878.220
Trích quỹ	-	-	(2.728.181.732)	(2.728.181.732)
Trả cổ tức	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2015	120.000.000.000	8.999.025.750	23.143.387.761	152.142.413.511
Số dư tại ngày 01/01/2016	120.000.000.000	8.999.025.750	29.086.251.184	158.085.276.934
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	16.061.147.705	16.061.147.705
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(4.995.761.879)	(4.995.761.879)
Chia cổ tức (i)	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2016	120.000.000.000	8.999.025.750	22.151.637.010	151.150.662.760

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 13/NQ-ĐHCD ngày 05 tháng 4 năm 2016, cổ tức năm 2015 được Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt là 18.000.000.000 đồng. Số cổ tức trên đã được công ty thanh toán gần hết bằng tiền trong 6 tháng đầu năm 2016. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 với số tiền là 1.784.012.338 đồng và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 bằng 20% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 với số tiền là 3.211.749.541 đồng.

th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 09 ngày 18 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ, cụ thể như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày 30/6/2016	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2015
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75,00%	90.000.000.000	90.000.000.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Hồng Thành	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	3.600.000.000	3,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
Các cổ đông khác	12.000.000.000	10,00%	12.000.000.000	12.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực Miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu Ure Phú Mỹ	619.498.367.000	682.440.296.500
Doanh thu hàng hóa khác	144.915.988.526	136.910.706.791
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.138.180.291	9.324.257.711
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.552.535.817	828.675.261.002
Chiết khấu thương mại	(13.026.229.872)	(11.130.287.461)
	763.526.305.945	817.544.973.541
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	260.636.886.359	244.570.103.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn Ure Phú Mỹ	564.681.461.768	634.314.295.419
Giá vốn hàng hóa khác	139.325.347.839	131.677.281.454
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.135.596.618	9.014.040.842
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	107.553.000
	715.142.406.225	775.113.170.715

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí nhân công	13.669.281.400	7.906.735.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.320.837.032	1.316.950.541
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.372.546.521	8.749.376.293
Chi phí khác bằng tiền	2.055.536.375	2.211.219.756
	36.418.201.328	20.184.281.859

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	9.392.962.909	3.732.343.072
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	2.430.042.988	1.743.825.216
Các khoản chi phí bán hàng khác	9.777.860.922	6.854.906.976
	21.600.866.819	12.331.075.264
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	4.276.318.491	4.174.392.197
Chi phí thuê văn phòng	987.036.900	987.036.900
Chi phí quản lý nội bộ Tổng Công ty	1.040.657.821	1.149.382.021
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.754.095.927	1.484.739.398
	8.058.109.139	7.795.550.516

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.180.783.958	2.697.003.951
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.180.783.958	2.697.003.951

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 (Trình bày lại)</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.061.147.705	18.187.878.220
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	(3.211.749.541)	(2.780.467.338)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.849.398.164	15.407.410.883
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.071	1.284

24. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	987.036.900	987.036.900

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.377.348.773	103.536.737.376
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.000.375.680	2.527.248.648
Tổng cộng	144.377.724.453	106.063.986.024
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	32.922.277.706	15.978.775.713
Chi phí phải trả	242.304.604	94.905.941
Tổng cộng	33.164.582.310	16.073.681.654

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá hàng hóa), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua hàng hóa từ Công ty mẹ là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2016	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	130.377.348.773	-	130.377.348.773
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.932.001.680	68.374.000	14.000.375.680
Tổng cộng	144.309.350.453	68.374.000	144.377.724.453
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	32.922.277.706	-	32.922.277.706
Chi phí phải trả	242.304.604	-	242.304.604
Tổng cộng	33.164.582.310	-	33.164.582.310
Chênh lệch thanh khoản thuần	111.144.768.143	68.374.000	111.213.142.143

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.536.737.376	-	103.536.737.376
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.414.874.648	112.374.000	2.527.248.648
Tổng cộng	105.951.612.024	112.374.000	106.063.986.024
	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	15.978.775.713	-	15.978.775.713
Chi phí phải trả	94.905.941	-	94.905.941
Tổng cộng	16.073.681.654	-	16.073.681.654
Chênh lệch thanh khoản thuần	89.877.930.370	112.374.000	89.990.304.370

Ban Giám đốc đánh rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần
Công ty TNHH Toàn Xuân
Công ty TNHH Hồng Thành
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Vân
Công ty TNHH Bằng Tuyên
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Thanh Hoá
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí
- Công ty Cổ phần

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Cổ đông của Công ty
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty cùng Công ty mẹ
Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ



th

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09a-DN

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.050.563.900	6.970.469.840
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	2.273.302.610	2.084.974.213
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	354.600.000	3.634.500.000
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Sơn	59.351.898.325	8.525.000.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc	6.227.885.200	3.100.000.000
Công ty TNHH Toàn Xuân	19.720.400.000	8.625.000.000
Công ty TNHH Hồng Thành	14.100.172.800	34.403.235.500
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toàn Văn	10.986.145.750	9.039.264.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	17.972.500.000	16.400.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	2.047.500.000	31.690.280.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	52.247.413.313	46.084.550.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	24.919.963.051	74.012.829.500
Công ty Cổ phần Hoá dầu và Xơ sợi Dầu khí	41.384.541.410	-
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	575.936.897.821	636.228.674.746
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	121.580.778.057	126.120.658.865
Thu nhập của Ban Giám đốc và Chủ tịch Công ty		
	<u>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</u>	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.473.855.074	2.318.650.241
	<u>2.473.855.074</u>	<u>2.318.650.241</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>31/12/2015</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	4.129.337.631	2.180.472.076
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	606.498.912
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.100.057.666	1.573.973.164
Công ty Cổ phần Hoá Dầu và Xơ Sợi Dầu khí	29.279.965	-
Trả trước nhà cung cấp	19.979.892.800	8.907.788.000
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	19.979.892.800	8.907.788.000
Phải trả nhà cung cấp	19.888.945.366	7.283.858.969
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	417.926.737	463.118.352
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	19.180.688.629	6.661.253.861
Công ty TNHH Bằng Tuyên	78.200.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	101.880.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	159.486.756
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	110.250.000	-
Phải trả khác	-	1.147.503.234
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.147.503.234
Các khoản người mua trả tiền trước	7.781.656.228	1.389.410.723
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	70.000.000	-
Công ty TNHH Văn Hường	1.575.000.000	-
Công ty TNHH Toàn Xuân	2.835.711.250	2.250.000
Công ty TNHH Hồng Thành	-	8.030.000
Công ty TNHH Thương mại Vật tư Tổng hợp Toan Vân	-	92.931.375
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	6.560.100	360.000.000
Công ty TNHH Bằng Tuyên	-	108.921.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Hà Nội	392.781.378	340.958.628
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Sâm	-	398.040.220
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	1.334.469.000	68.049.000
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Sơn	1.567.134.500	10.230.000



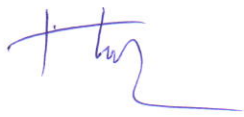
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã được soát xét.



Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu



Trần Anh Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Luận
Giám đốc

Ngày 08 tháng 8 năm 2016